

Bài 19: Ăn Khế Trả Vàng



Ngày xưa, có một gia đình phú ông sinh được hai người con trai. Khi hai anh em đến tuổi trưởng thành thì bố mẹ lâm bệnh nặng rồi chết, để lại gia tài cho các con.

Được một thời gian, người anh cưới vợ và đòi chia gia tài. Vì tham lam, vợ chồng người anh chiếm hết cả nhà cửa, ruộng vườn và trâu bò. Người em chỉ có một túp lều nhỏ và một mảnh vườn có cây khế ngọt.

Rồi một ngày kia người em cũng lấy vợ. Vợ chồng người em cùng làm ăn và chăm sóc cây khế. Chẳng bao lâu, cây khế sai hoa, trĩu quả một cách lạ thường, cành nào cũng chỉ chít quả vàng, quả xanh.





Một hôm ra vườn, nhìn thấy một con chim phượng hoàng đang mổ những quả khế vàng, người em nói với chim:

– *Chim ơi! Gia tài của vợ chồng tôi chỉ có cây khế này. Nếu chim ăn hết thì vợ chồng tôi sống bằng gì?*

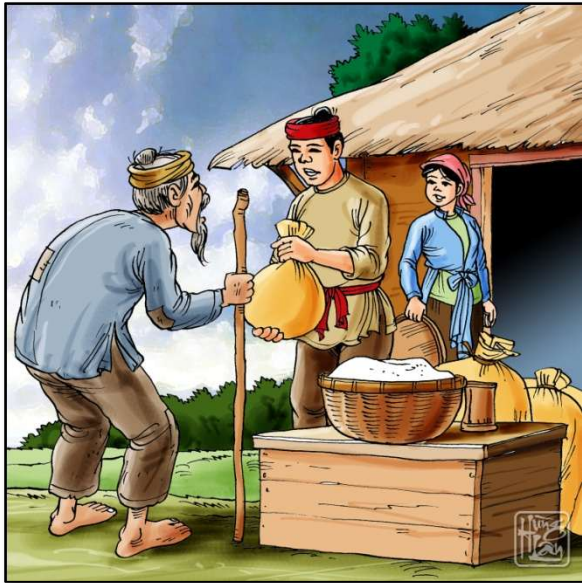
Chim quay ra nhìn anh và đáp:

– *Ăn một quả, trả cục vàng. May túi ba gang, mang đi mà đựng.*

Thế là hôm sau người em đeo túi ba gang vào người, ngồi trên lưng chim phượng hoàng để đi đến chỗ lấy vàng.

Chim bay mãi, bay mãi qua bao núi cao, qua bao biển rộng mới tới một hòn đảo lấp lánh đầy vàng ngọc châu báu.





Chim bảo người em cứ lấy thật nhiều vàng bỏ vào túi ba gang, nhưng người em cũng chỉ lấy đầy túi thôi. Xong xuôi, chim phượng hoàng lại đưa người em trở về nhà. Từ đó, vợ chồng người em trở nên giàu có. Họ đem thóc gạo, vàng bạc chia cho người nghèo, giúp đỡ họ làm ăn sinh sống.

Người anh thấy người em trở nên giàu có nhờ cây khế ngọt liền đòi đổi cả nhà và ruộng vườn của mình lấy cây khế ngọt của em. Thương anh, vợ chồng người em cũng vui vẻ chấp nhận.

Mùa xuân năm sau, chim phượng hoàng lại bay đến để ăn khế. Người anh giả vờ khóc và đòi chim phượng hoàng đưa đi lấy vàng. Chim phượng hoàng đồng ý.





Hôm sau, chim phượng hoàng đến đưa người anh đi lấy vàng. Vợ chồng người anh đã chuẩn bị một cái túi sáu gang để đựng được thật nhiều vàng.

Khi đến hòn đảo châu báu ấy, người anh nhét đầy chặt vàng vào túi sáu gang lại còn giắt thêm bao nhiêu thỏi vào người nữa. Mãi đến chiều tối người anh mới chịu ra về.

Chim phượng hoàng cố sức bay, nhưng vàng thì nhiều, nặng quá. Chim nói với người anh rằng:

– *Ngươi hãy vứt bớt vàng xuống biển cho nhẹ bớt thì ta mới bay về được.*

Nhưng người anh tham lam tiếc của cứ giữ khư khư cái túi vàng to ấy. Chim cố không nổi liền nghiêng cánh hất người anh cùng túi vàng rơi xuống biển.



Chú Thích

Trưởng thành: *becoming an adult*

Tham lam: *greedy*

Chi chít: *many, densely packed*

Hòn đảo: *island*

Chấp nhận: *accept*

Chuẩn bị: *prepare*

Gia tài: *patrimony, inheritance*

Trĩu quả: *heavy with fruits*

Lạ thường: *unusual*

Châu báu: *treasure*

Đồng ý: *agreed*

Giữ khư khư: *clutch, does not let go*

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Khi chia gia tài, vợ chồng người anh có những thứ gì? Người em có những thứ gì?

2. Nhờ vào đâu vợ chồng người em trở nên giàu có? Họ đã làm gì để giúp đỡ người nghèo?

3. Vì sao chim phượng hoàng hát người anh cùng túi vàng rơi xuống biển?

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Ngày xưa, có một gia đình **phú ông** sinh được hai người con trai. Từ “**phú ông**” có nghĩa là:
 - *Người đàn ông bình thường.*
 - *Người đàn ông giàu có.*
 - *Người đàn ông nghèo khó.*
2. Được một thời gian, người anh cưới vợ và đòi chia **gia tài**. Từ “**gia tài**” có nghĩa là:
 - *Của cải của bố mẹ để lại.*
 - *Của cải của mình.*
 - *Của cải của anh em.*
3. Vì tham lam, vợ chồng người anh **chiếm** hết cả nhà cửa, ruộng vườn và trâu bò. Từ “**chiếm**” có nghĩa là:
 - *Chia cho người khác.*
 - *Giành lấy làm của mình.*
 - *Giấu đi không cho ai biết.*
4. Vợ chồng người em cùng làm ăn và **chăm sóc** cây khế. Từ “**chăm sóc**” có nghĩa là:
 - *Bỏ bê, không đếm xỉa tới.*
 - *Chặt đi.*
 - *Trông nom thường xuyên.*
5. ...người anh nhét đầy chặt vàng vào túi sáu gang lại còn **giắt** thêm bao nhiêu thỏi vào người nữa. Từ “**giắt**” có nghĩa là:
 - *Bỏ đi.*
 - *Lấy, buộc chặt vào.*
 - *Tháo ra.*
6. ...người anh tham lam tiếc của cứ **giữ khư khư** cái túi vàng to ấy. Từ “**giữ khư khư**” có nghĩa là:
 - *Buông ra.*
 - *Giữ thật chặt.*
 - *Ném đi.*

Thêm Dấu

(Đọc cho các em thêm dấu.)

*Vi tham lam, vợ chồng người
anh chiếm hết cả nhà cửa,
ruộng vườn và trâu bò.*



*Chim bay mai, bay mai qua bao
núi cao, qua bao biển rộng mới
tới một hòn đảo lập lánh đầy
vàng ngọc châu báu.*

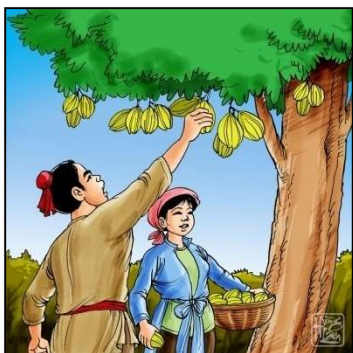


*Chim có không nói liền nghiêng
cánh hát người anh cũng tui
vàng rơi xuống biển.*



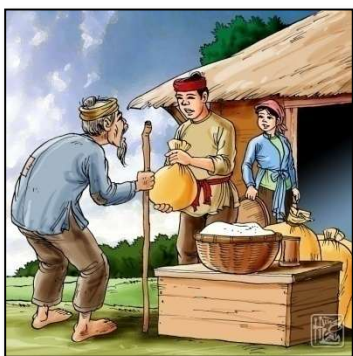
Chính Tả

(Đọc cho các em viết chính tả. Sau đó, cho các em đọc lại từng câu.)

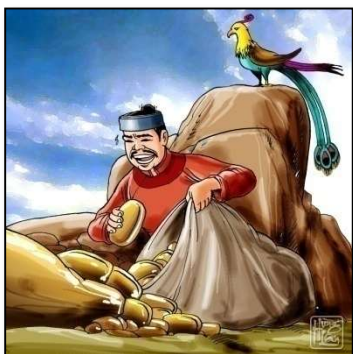


Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)



Họ đem thóc gạo, vàng bạc chia tro người nghèo, giúp đỡ họ làm ăn sinh sống. (3 lỗi)



Vợ chồng người anh đã chuẩn bị một cây túi sáu gang để đựng được thật nhiều vàng. (3 lỗi)

Tập Làm Văn – Cách Đặt Câu Hỏi

Có nhiều cách để đặt câu hỏi. Thông thường để đặt câu hỏi ta dùng từ nghi vấn: *Tại sao? Bao nhiêu? Ở đâu? Có...không? v.v..* Vị trí của những từ nghi vấn có thể ở đầu câu, ở giữa câu hoặc ở cuối câu.

Từ Nghi Vấn Ở Đầu Câu

Những từ nghi vấn sau thường được đặt ở đầu để biến một câu thành câu hỏi: *Tại sao? Vì sao? Làm sao? v.v..*

Ví dụ 1:

Chú chuột cống đang cố gắng tìm đường thoát thân.

Để đặt câu hỏi, ta thêm từ nghi vấn ở đầu câu như sau:

Tại sao chú chuột cống đang cố gắng tìm đường thoát thân?

Hoặc,

Vì sao chú chuột cống đang cố gắng tìm đường thoát thân?

Hai câu hỏi đều có ý nghĩa như nhau.

Từ Nghi Vấn Ở Giữa Câu

Những từ nghi vấn sau thường được đặt ở giữa câu để biến một câu thành câu hỏi: *Bao nhiêu? Máy? v.v..* Những từ nghi vấn này thường đứng trước hay sau danh từ ta muốn hỏi.

Ví dụ:

Em *mấy* tuổi?

Cuốn sách này *bao nhiêu* tiền?

Từ Nghi Vấn Ở Cuối Câu

Những từ nghi vấn sau thường được đặt ở cuối câu: *Ở đâu? Như thế nào? Ra sao? Là gì? Chưa? v.v..*

Ví dụ:

Anh Khoa đang tập thể dục.

Ta đặt câu hỏi:

Anh Khoa đang tập thể dục ở đâu?

Hoặc:

Anh Khoa tập thể dục như thế nào?

Hoặc:

Anh Khoa tập thể dục chưa?

Chúng ta sẽ có rất nhiều câu trả lời khác nhau tùy theo những từ nghi vấn mình đặt ở cuối câu.

Từ Nghi Vấn Ở Đầu Hoặc Cuối Câu

Cũng có trường hợp những từ nghi vấn khi dùng ở đầu câu sẽ có nghĩa khác khi dùng ở cuối câu như: *Khi nào?*

Ví dụ:

Cô Hoa cho cả lớp viết chính tả.

Câu hỏi 1:

Khi nào cô Hoa cho cả lớp viết chính tả?

Trong câu hỏi trên chúng ta thâm hiểu là cô Hoa chưa cho lớp viết chính tả. Chúng ta muốn hỏi cô Hoa xem sẽ cho lớp viết vào thời gian nào trong tương lai.

Câu trả lời sẽ là một thời điểm trong tương lai:

Ngày mai cô Hoa cho cả lớp viết chính tả.

Câu hỏi 2:

Cô Hoa cho cả lớp viết chính tả *khi nào*?

Trong câu hỏi này có ý nói là cả lớp đã được viết chính tả rồi. Chúng ta muốn hỏi cô Hoa đã cho cả lớp viết chính tả vào thời điểm nào trong quá khứ.

Câu trả lời của chúng ta phải là thời điểm ở trong quá khứ:

Cô Hoa cho cả lớp viết chính tả *trước khi ra về*.

Cặp Từ Nghi Vấn

Khi đặt câu hỏi cũng có cặp từ như: *Có...không?* Từ *có* được đặt ở đầu câu đứng sau danh từ, và từ *không* đặt ở cuối câu để trở thành câu hỏi.

Ví dụ:

Vũ đi học.

Đặt câu hỏi:

Vũ *có* đi học *không*?

Hoặc:

Mẹ đi chợ mua thức ăn.

Đổi sang câu hỏi:

Mẹ *có* đi chợ mua thức ăn *không*?

Bài Tập – Tập Làm Văn (Cách Đặt Câu Hỏi)

(Dựa vào những ví dụ trên em hãy đổi những câu sau đây thành những câu hỏi.)

1. Mẹ mới mua cái máy may.

2. Mỗi khi Tết đến, cây mai của Bác Hai lại nở đầy hoa vàng.

3. Gia đình em có một căn nhà cho thuê.

4. Năm nay có ba học sinh được lãnh huy chương vàng.

5. Mỗi khi đi coi đá banh, bố thường mang theo ống nhòm để quan sát cho rõ.
